

Số: 01/2020/QĐST-DS

Thị xã Kỳ Anh, ngày 15 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông: Trần Thanh Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Trần Văn Tài

Bà: Hoàng Thị Thu Lâm

Căn cứ vào các Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 650, Điều 651 Bộ Luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 6, Điểm đ Khoản 1 Điều 12, điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 8 Điều 26, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ông Doãn Ngọc U - sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn H, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Làm ruộng(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Hoàng Xuân Huệ; Luật sư - Cty Luật TNHH Pháp viện – Phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(có mặt).

2. Ông Trần Thanh Minh; Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh(có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng; Chuyên viên pháp lý –Cty Luật TNHH Pháp viện – Phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh ,tỉnh Hà Tĩnh(có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Doãn Văn T - sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn E, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Làm ruộng(có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông: Doãn Văn P - sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn H, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(có mặt).

2. Bà: Doãn Thị N - Sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn H, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(đã chết).

-Người thừa kế chuyên tiếp: Ông: Hoàng Thanh C (Chồng bà Nhi đã được các con ủy quyền và các con đã từ chối nhận thừa kế) - sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn H, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(có mặt).

3. Bà: Doãn Thị K - sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn H, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(có mặt).

4. Bà: Doãn Hồng R - sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã K, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh(có mặt).

## **II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Ông Doãn Ngọc U được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 01 có diện tích 383m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 66,6m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 316,4m<sup>2</sup>). Đất ông Doãn Ngọc U được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế 2774,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

\* Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất ở của ông bà Doãn Ngọc U dài 45,50m
- Phía Nam giáp đất thừa kế của ông Doãn Văn T dài 53,89m
- Phía Tây giáp đường giao thông dài 7,15m

- Phía Đông giáp đất trồng cây của ông Uyên dài 7,35m

Trên phần đất của ông Uyên được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản ông Doãn Ngọc U được thừa kế là:  $(66,6\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 450.000\text{đ}) + (316,4 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} \times 49.500\text{đồng}) = 45.632.000\text{đ}$  (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng).

1.1. Ông Doãn Văn T được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 02 có diện tích  $385,1\text{m}^2$  (trong đó đất ở  $66,6\text{m}^2$ , đất trồng cây lâu năm  $318,5\text{m}^2$ ). Đất ông Doãn Văn T được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế  $2774,8\text{m}^2$  thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

\* Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất thừa kế lô số 1 của ông Doãn Ngọc U dài 53,89m
- Phía Nam giáp đất thừa kế lô số 2 của ông Hoàng Thanh C dài 54,26m
- Phía Tây giáp đường giao thông dài 7,11m
- Phía Đông giáp đất trồng cây của ông U dài 7,14m

Trên phần đất của ông Doãn Văn T được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản ông Doãn Văn T được thừa kế là:  $(66,6\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 450.000\text{đ}) + (318,5 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} \times 49.500\text{đ}) = 45.736.000\text{đ}$  (Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn).

1.2. Ông Hoàng Thanh C được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 03 có diện tích  $382,5\text{m}^2$  (trong đó đất ở  $66,6\text{m}^2$ , đất trồng cây lâu năm  $315,9\text{m}^2$ ). Đất ông Hoàng Thanh C được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế  $2774,8\text{m}^2$  thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

\* Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất thừa kế lô số 2 của ông Doãn Văn T dài 54,26m
- Phía Nam giáp đất thừa kế lô số 4 của bà Doãn Thị K dài 53,55m
- Phía Tây giáp đường giao thông dài 7,10m
- Phía Đông giáp đất trồng cây của ông T dài 7,16m

Trên phần đất của ông Hoàng Thanh C được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản ông Hoàng Thanh C được thừa kế là : $(66,6\text{m}^2 \text{ đất ở } \times 450.000\text{đ}) + (315,9 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm } \times 49.500\text{đ}) = 45.607.000\text{đ}$ (*Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm linh bảy ngàn đồng chẵn*).

1.3. Bà Doãn Thị K được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đấtsố 04 có diện tích  $377,6\text{m}^2$  (trong đó đất ở  $66,6\text{m}^2$ , đất trồng cây lâu năm  $311\text{m}^2$ ). Đất bà Doãn Thị K được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế  $2774,8\text{m}^2$  thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

- Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất thừa kế lô số 03 của ông Hoàng Thanh C dài  $53,55\text{m}$

- Phía Nam giáp đất thừa kế lô số 05 của ông Doãn Văn P dài  $50,82\text{m}$

- Phía Tây giáp đường giao thông dài  $7,52\text{m}$

- Phía Đông giáp đất trồng cây của ông T dài  $7,26\text{m}$

Trên phần đất của bà Doãn Thị K được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản bà Doãn Thị K được thừa kế là: $(66,6\text{m}^2 \text{ đất ở } \times 450.000\text{đ}) + (311 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm } \times 49.500\text{đồng}) = 45.365.000\text{đ}$ (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn*).

1.4. Ông Doãn Văn P được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 05 có diện tích  $574,5\text{m}^2$  (trong đó đất ở  $66,6\text{m}^2$ , đất trồng cây lâu năm  $507,9\text{m}^2$ ). Đất ông Doãn Văn P được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế  $2774,8\text{m}^2$  thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

- Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất thừa kế lô 04 của bà Doãn Thị K dài  $50,82\text{m}$

- Phía Nam giáp đất thừa kế lô 06 của bà Doãn Hồng R dài  $45,43\text{m}$

- Phía Tây giáp đường giao thông dài  $12,84\text{m}$

- Phía Đông giáp đất trồng cây của ông T dài  $11,78\text{m}$

Trên phần đất của ông Doãn Văn P được quyền sử dụng có tài sản là ngôi nhà và công trình phụ cận của ông Hoàng Thanh C.

Tổng trị giá tài sản ông Doãn Văn P được thừa kế là: $(66,6\text{m}^2 \text{ đất ở } \times 450.000\text{đ}) + (507,9 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm } \times 49.500 \text{ đồng}) + (\text{ngôi nhà và$

công trình phụ cận trị giá 85.000.000 đ) = 140.111.000đ(Một trăm bốn mươi triệu, một trăm mười một ngàn đồng chẵn).

1.5. Bà Doãn Hồng R được quyền thừa kế và sử dụng vị trí đất số 06 có diện tích 672m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 66,6m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 605,4m<sup>2</sup>). Đất bà Doãn Hồng R được quyền sử dụng nằm trong tổng diện tích đất thừa kế 2774,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

- Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất thừa kế lô số 05 của ông Doãn Văn P dài 45,43m
- Phía Nam giáp đất ông Hòa dài 38,78m
- Phía Tây giáp đường giao thông dài 20,23m
- Phía Đông giáp đất trồng cây của ông T dài 13,35m

Trên phần đất của bà Doãn Hồng R được quyền sử dụng chưa có tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản bà Doãn Hồng R được thừa kế là:(66,6m<sup>2</sup> đất ở x 450.000 đ) + (507,9 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm x 49.500đ) = 59.937.000đ(Năm mươi chín triệu, chín trăm ba bảy ngàn đồng chẵn).

\* Trong diện tích đất của các đương sự tự thỏa thuận, có sự chênh lệch về diện tích đất từng lô, nhưng các đương sự tự thỏa thuận T nhất không yêu cầu người được sử dụng diện tích đất nhiều hơn đưa lại tiền chênh lệch tài sản cho người được sử dụng diện tích đất ít hơn.

\* Đối với ngôi nhà xây gạch tấp lô, áo, trét, lợp tôn xốp và các công trình phụ cận là tài sản của ông Hoàng Thanh C nằm trên diện tích đất thuộc lô số 05 của ông D Văn P, thì ông P và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, mà hai ông tự thỏa thuận với nhau về trị giá ngôi nhà và các công trình phụ. Ông Doãn Văn P có trách nhiệm đưa lại số tiền trị giá ngôi nhà và các công trình phụ cho ông Hoàng Thanh C.

(Diện tích đất được thỏa thuận phân chia thừa kế theo pháp luật từ lô 01 đến lô số 06 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 270038, do UBND thị xã Kỳ Anh cấp ngày 16/01/2017 mang tên bà Phạm Thị Đ; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh, giữa các ông Doãn Văn U, ông Doãn Văn P, ông Doãn Văn T, ông Hoàng Thanh C và các bà Doãn Thị K, bà Doãn Hồng R có sơ đồ vị trí kèm theo).

Ông Doãn Văn Uyên, Doãn Văn P, Hoàng Thanh C và các bà Doãn Thị K, bà Doãn Hồng R thỏa thuận chịu trách nhiệm chung về số tiền chi phí định giá

và không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu ông Doãn Văn T đóng góp tiền chi phí định giá.

## 2. Về án phí:

Ông Doãn Ngọc U, Doãn Văn P, Doãn Văn T và ông Hoàng Thanh C là người cao tuổi được chính quyền địa phương xác nhận nên được miễn toàn bộ án phí.

Bà Doãn Thị K phải nộp 2.268.000đ (*Ha triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng chẵn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thi tiền số AA/2016/0007043 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Bà Doãn Hồng R phải nộp 2.997.000đ (*Hai triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007042 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Doãn Ngọc U được nhận lại số tiền 300.000 đ (*ba trăm ngàn đồng*) khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007041 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Doãn Văn P được nhận lại số tiền 300.000 đ (*ba trăm ngàn đồng*) khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007040 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Hoàng Thanh C được nhận lại số tiền 300.000 đ (*ba trăm ngàn đồng*) khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007039 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND xã Kỳ Hoa;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA****Trần Thanh Hương**